

Bản án số: 02/2017/HSST
Ngày: 7 - 11 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ - TỈNH SƠN LA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Thủy - Ông Mùi Văn Hoạt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Vinh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ - tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2017/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo.

1. Lê Văn N; tên gọi khác, không, sinh năm 1984. Trú tại; Đội 8, thôn H Q, xã TC, huyện Kh C, tỉnh Hưng Yên. Giới tính nam, tôn giáo không, quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông; Lê Văn Đ (Đã chết), con bà; Nguyễn Thị L 61 tuổi. Bị cáo có vợ; Bùi Thị T 32 tuổi, bị cáo có 02 con, con lớn nhất 10 tuổi, con nhỏ 7 tuổi. Tiền án, tiền sự; không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2017 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn K; tên gọi khác, không, sinh năm 1991. Trú tại; Đội 6, thôn H Q, xã TC, huyện K C, tỉnh Hưng Yên. Giới tính nam, tôn giáo không, quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông; Lê Tất T 61 tuổi, con bà; Nguyễn Thị M 54 tuổi. Bị cáo có vợ; Lưu Mai L 24 tuổi (Đã ly hôn), bị cáo có 01 con 5 tuổi. Tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 99/2012/HSST ngày 17/04/2012 của Tòa án nhân dân quân Long Biên thành phố Hà Nội. Xư phạt bị cáo Lê Văn K 26 (Hai mươi sáu) tháng tù về tội; Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 20/12/2011(Đã đương nhiên được xóa án tích), tiền sự; không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2017 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị M.

Trú tại: Đội 6, thôn H Q, xã T C, huyện K C, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 25/7/2017, Lê Văn N đến nhà Lê Văn K và rủ K đến huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La để đi chơi. K đồng ý và lấy xe máy BKS 16L1-0075 của gia đình để N chở K đi đến 0 giờ ngày 26/7/2017 thì N và K đi đến địa phận bản Bó Nhàng 2, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, N và K vào nhà nghỉ Tiến Mạnh ngủ qua đêm. Đến 14 giờ ngày 26/7/2017 N rủ K đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng K đồng ý. Sau đó N điều khiển xe máy chở K đi vào bản Pa Cốp, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Tại đường dân sinh bản Pa Cốp, Nam hỏi và mua được của một người phụ nữ dân tộc Mông 01 gói Hêroin với giá là 100.000đ. Sau khi mua được ma túy N và K đi vào vườn mận gần đó lấy ra một ít Hêroin cùng nhau sử dụng, số còn lại K gói lại như cũ và cất giấu vào trong chiếc mũ lưỡi trai đang đội, N chở K đi về. Đến 15 giờ 20 phút cùng ngày khi đi về đến khu vực bản Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La thì bị tổ công tác Công an huyện Vân Hồ kiểm tra phát hiện và bắt quả tang đang có hành vi vận chuyển, cất giấu trái phép chất ma túy thu giữ vật chứng vụ án gồm có.

01 (một) gói nilon màu xanh bên trong có đựng một ít bột màu trắng nghi là Hêroin, N và K khai là Hêroin, cân tịnh được 0,23 gam rút 0,11 gam gửi giám định chất ma túy còn lại 0,12 gam (Đã được niêm phong).

Tạm giữ của Lê Văn N 01 chứng minh thư nhân dân, 200.000 đồng tiền NHNN Việt Nam.

Tạm giữ của Lê Văn K 01 xe máy BKS: 16 L1- 1175. 01 mũ lưỡi trai, 01 chứng minh thư nhân dân.

Tại bản kết luận giám định số: 769/KLMT ngày 31/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Mẫu gửi giám định ký hiệu “NK” là chất ma túy; loại chất Hêrôin. Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,11 gam, tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,23 gam, loại chất Hêrôin”.*

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 16/10/2017 của Viện kiểm sát nhân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Lê Văn N và Lê Văn K về tội; Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn N và Lê Văn K phạm tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của

Quốc Hội, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn Kha.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 15 (Mười năm) tháng tù đến 21 (Hai mươi mốt) tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K được quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm a, b, d khoản 2, 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tuyên tịch thu để tiêu huỷ: 01 phong bì đã được niêm phong bên trong đựng 0,12 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu, 01 mũ lưỡi trai của Lê Văn Kha.

Đề nghị tuyên tạm giữ của bị cáo Lê Văn N 200.000đ tiền NHNN Việt Nam để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn N 01 giấy chứng minh thư nhân dân, bị cáo Lê Văn K 01 giấy chứng minh thư nhân dân.

Đề nghị tuyên trả lại cho người có quyền lợi liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M là chủ sở hữu hợp pháp 01 chiếc xe máy BKS 16L1- 0075.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Lê Văn Nam và Lê Văn Kha về tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và quan điểm luận tội tại phiên tòa đối với các bị cáo.

Ý kiến của các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K nhất trí như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt đề nghị của Viện Kiểm sát đối với các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 26/7/2017, Lê Văn N và Lê Văn K đều trú tại thôn H Q, xã T C, huyện K C, tỉnh Hưng Yên. Bị phát hiện và bắt quả tang tại khu vực bản Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Đang cùng nhau vận chuyển, cất giấu

trái phép 0,23 gam Hêrôin. Mục đích cùng nhau mua lại 0,23 gam Hêrôin, vận chuyển, cất giấu tàng trữ để cùng nhau sử dụng cho các bản thân. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận giám định ma túy, biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó có đầy đủ điều kiện đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K phạm tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, vi phạm khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Quyết định truy tố và Quan điểm luận tội tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “ Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định“ Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”.

a,.....

c, Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetaminne, MDMA có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam.

Như vậy mức hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999.

Xét hành vi cùng nhau mua lại vận chuyển, cất giấu, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K với số lượng tàng trữ không lớn. Mục đích cùng nhau mua ma túy, vận chuyển, cất giấu tàng trữ để cùng nhau sử dụng cho bản thân. Bị cáo Lê Văn N là người trực tiếp khởi sướng, trực tiếp điều khiển phương tiện dùng tiền mua, cất giấu ma túy. Bị cáo Lê Văn K dùng phương tiện, trực tiếp cất giấu ma túy, để cả hai trực tiếp thực hiện tích cực việc thực hiện phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm lây lan phát sinh các tệ nạn xã hội nhất là tệ nạn ma túy. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương cần vận dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội, xét xử hướng có lợi cho các bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo Lê Văn K đã có tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đã đương nhiên được xóa án tích. Nhân thân bị cáo Lê Văn N phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, bị cáo Lê Văn N ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo phạm tội trong vai trò đồng phạm cần vận dụng Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo Lê Văn K phạm tội trong vai trò đồng phạm giúp sức với bị cáo Lê

Văn N với vai trò thứ yếu vận dụng Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Văn K. Gia đình bị cáo có công với cách mạng bố bị cáo Lê Văn K được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Lê Văn K được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xong các bị cáo đều nhận thức biết rõ tác hại của ma túy là nhà nước cấm bị cáo Lê Văn K đã được cải tạo giáo dục nhiều năm về tội ma túy, các bị cáo am hiểu pháp luật nhưng do coi thường pháp luật nghiện ma túy nên cố tình phạm tội nghiêm trọng. Xét quan điểm luận tội tại phiên toà của Viện kiểm sát nhân dân, ý kiến của các bị cáo tại phiên toà xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo phần nhiều là có căn cứ đúng pháp luật cần được chấp nhận. Nay xét thấy cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ thời gian giáo dục các bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội. Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung nhất là công tác phòng chống tội phạm nói chung và công tác phòng chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài hình phạt chính là phạt tù các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, không đủ điều kiện và khả năng thi hành, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ, Kiểm sát viên trong qua trình điều tra, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên tham gia tố tụng tuân theo và chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K đang bị tạm giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam các bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, vận dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nguồn gốc 0,23 gam Hêrôin bị thu giữ, theo lời khai của N và K là mua của một người phụ nữ dân tộc mông không biết tên và địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh ngoài lời khai của N và K ra không có chứng cứ nào khác cơ quan điều tra không có cứ xử lý người bán ma túy cho N và K.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Sô ma túy của bị cáo là hàng quốc cấm, Nhà nước cấm lưu hành, vỏ gói niêm phong ban đầu không có giá trị sử dụng, và chiếc mũ lưỡi trai của Lê Văn K là phương tiện cất giấu ma túy, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy, vận dụng điểm a, đ khoản 2, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 200.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Lê Văn N nay xét thấy không liên quan đến vụ án cần tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối 02 chứng minh thư nhân dân của Lê Văn N và Lê Văn K nay xét thấy cần tuyên trả lại cho các bị

cáo. Đối với chiếc xe máy bị cáo Lê Văn K dùng phương tiện đi lại, qua điều tra xác định chiếc xe máy là tài sản của bà Nguyễn Thị M là chủ sở hữu hợp pháp, bị cáo tự ý lấy xe máy của bà M và đi mua ma túy để sử dụng bà M không biết việc phạm tội của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Nay xét thấy cần tuyên trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M. Vận dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b khoản 2, 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4]. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung của Nhà nước vận dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội. Điểm a, b, đ khoản 2,3 Điều 76, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N và Lê Văn K phạm tội; Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 21 (Hai mươi một) tháng tù. “ Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 26/7/2017”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn K 18 (Mười tám) tháng tù. “ Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 26/7/2017”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn N và Lê Văn K được quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

3. Về vật chứng vụ án:

Tuyên tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì đã được niêm phong bên ngoài ghi vật chứng ký hiệu H1, trọng lượng 0,12 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu, 01 mũ lưỡi trai có chữ LEVIS đã qua sử dụng.

Tuyên tạm giữ của bị cáo Lê Văn N 200.000đồng tiền NHNN Việt Nam để đảm bảo thi hành án.

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn N 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Văn N, trả lại cho bị cáo Lê Văn K 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Văn K.

Tuyên trả lại cho người có quyền lợi liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M là chủ sở hữu hợp pháp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu MIOCLASSICO sơn màu đỏ biển kiểm soát 16L1- 0075, số khung 5WP109093, số máy RLCM5WP10-4Y009093, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong.

4. Về án phí:

Các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn K biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình đã được tuyên./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long